

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP HÀ THANH

**ĐIỀU CHỈNH
PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

NĂM 2021 – CÔNG TY TNHH LN HÀ THANH

NĂM 2021

CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG HÀNG NĂM CỦA CÔNG TY

Căn cứ Quy định số 67A/QyĐ-LNHT ngày 18/02/2021 Về việc xây dựng, sửa đổi, cập nhật kế hoạch quản lý rừng bền vững.

Sau đây là Phương án Quản lý rừng bền vững năm 2021 của Công ty TNHH LN Hà Thanh đã được điều chỉnh, đề nghị các phòng ban nghiệp vụ, các Trạm QLBRV của Công ty triển khai thực hiện.

I. ĐIỀU CHỈNH VỀ BỘ MÁY TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

1. Điều chỉnh về số lượng nhân sự

Tổng số lao động hiện nay: 49 người. Trong đó:

- Bộ phận viên chức quản lý: 05 người gồm 01 Chủ tịch, 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 01 Kiểm soát viên.

- Các phòng nghiệp vụ: 21 người gồm 05 phòng (Phòng Tổ chức Hành chính 06 người; phòng Kế hoạch 03 người; phòng Kế toán 03 người; phòng Kỹ thuật Tổng hợp 04 người; phòng QLBTNR 05 người).

- 04 Trạm QLBRV: 22 người.

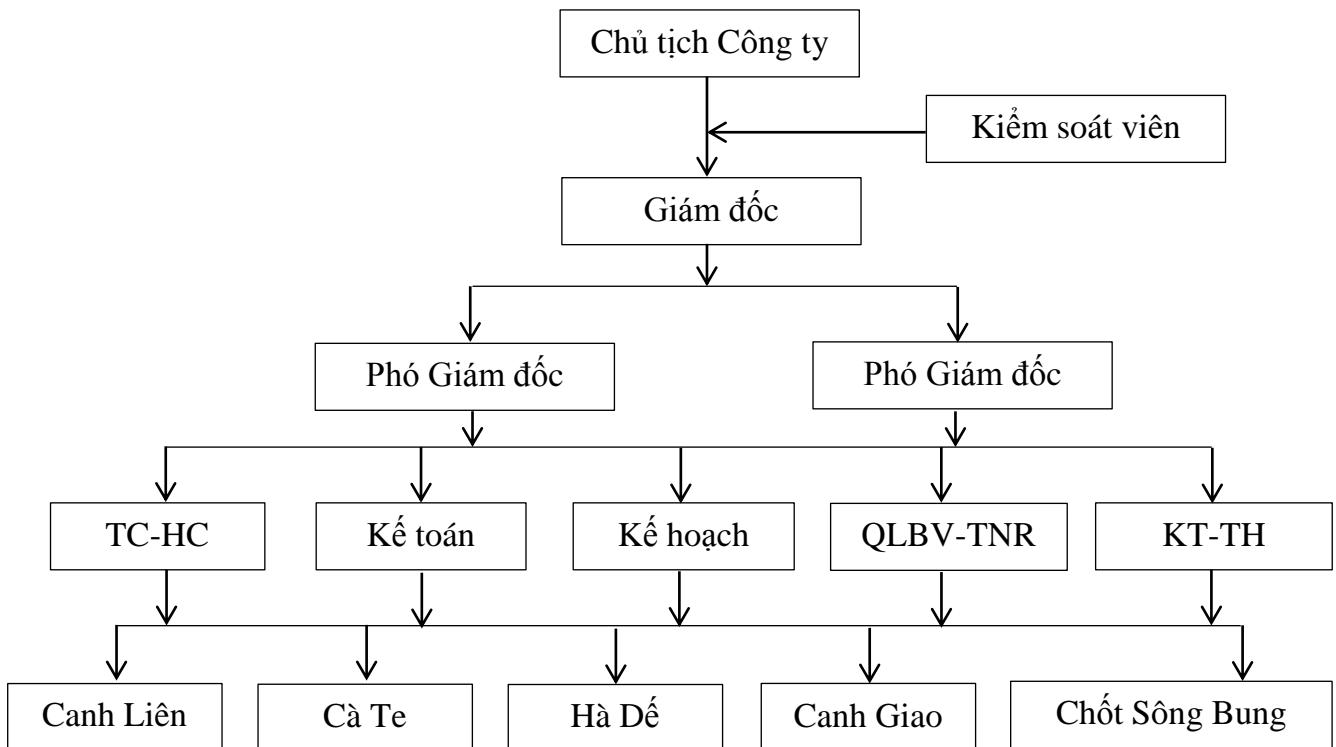
- Đội sản xuất cây giống 01 người.

Ngoài ra Đội sản xuất giống còn thuê nhân công theo thời vụ với số lượng khoảng 10 lao động làm công tác sản xuất cây giống.

2. Điều chỉnh về nhân sự quản lý nhân sự

TT	Số Quyết định	Ngày quyết định	Nội dung	Ghi chú
1	4716/QĐ-UBND	17/12/2019	Thôi kiêm nhiệm GD: Cái Minh Tùng	
2	3251/QĐ-UBND	07/8/2020	Bổ nhiệm lại Chủ tịch: Cái Minh Tùng	
3	388/QĐ-LNHT	24/12/2019	Bổ nhiệm Giám đốc: Phạm Bá Nghị	
4	315/QĐ-TCCB-LNHT	08/9/2016	Bổ nhiệm Phó Giám đốc: Đỗ Minh Chấn	
5	79/QĐ-LNHT	03/3/2020	Bổ nhiệm Phó Giám đốc: Phan Văn Tuấn	
6	642/QĐ-UBND	02/3/2020	Bổ nhiệm Kiểm soát viên: Mai Thị Mộng Điệp	

Sơ đồ tổ chức công ty



II. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ

1. Thay đổi diện tích quản lý của công ty

- Tổng diện tích đất Công ty đang quản lý sử dụng: 16.450,26 ha.

Trong đó:

+ Diện tích đã được giao và cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 13.795,56 ha.

+ Diện tích đã được thuê và cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 2.654,7ha.

b) Hiện trạng sử dụng đất của công ty:

* Tổng diện tích tự nhiên: 16.450,26 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 16.394,9 ha, được phân ra:

+ Đất lâm nghiệp: 16.394,9 ha được phân ra:

Đất rừng phòng hộ: 30,71 ha. Đây là diện tích rừng trồng sản xuất của công ty nằm trên địa phận thị trấn Vân Canh và xã Canh Hiệp, sau khi điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng thì diện tích này được đưa vào quy hoạch cho lâm phận phòng hộ.

Đất rừng sản xuất: 16.364,19 ha.

- Đất phi nông nghiệp: 55,36 ha, trong đó:

+ Đất chuyên dùng: 17,3 ha, cụ thể:

Đất trụ sở công ty: 0,47 ha.

Đất có mục đích công cộng (Đất giao thông): 16,83 ha.

TT	Phân loại rừng	Tổng	Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất
			Tổng	Rừng BV N.Nước	
I	RỪNG PHÂN THEO NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH	15.922,09	30,71	30,71	15.922,09
1	Rừng tự nhiên	13.305,20			13.305,20
	- Rừng thứ sinh	13.305,20			13.305,20
2	Rừng trồng	2.616,89	30,71	30,71	2.616,89
	- Chưa thành rừng	657,99	30,71	30,71	657,99
	- Đã thành rừng	1.958,90			1.958,90
II	RỪNG PHÂN THEO LOÀI CÂY				
1	Rừng gỗ tự nhiên	13.305,20	-	-	13.305,20
	- Rừng gỗ lá rộng TX hoặc nửa rụng lá	13.305,20			13.305,20
III	DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG	1.061,00	-	-	1.061,00
1	Diện tích trồng chưa thành rừng	657,99			657,99
2	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	409,25			409,25
3	Diện tích khác	32,85			32,85
V	DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP	16.394,9	30,71		16.364,19

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Chỉ tiêu SX chủ yếu				
1	Diện tích khai thác	ha	388,3	290,6	331,4
2	Sản phẩm sản xuất và tiêu thụ				
	<i>Gỗ keo rừng trồng</i>	<i>Tấn</i>	<i>31.277,10</i>	<i>21.952,20</i>	<i>28.392,55</i>
	<i>Sản xuất cây giống</i>	<i>Cây</i>	<i>1.962.000</i>	<i>1.299.270</i>	<i>1.030.000</i>
	<i>Sản xuất hom giống</i>	<i>Hom</i>	<i>2.000.000</i>	<i>875.000</i>	<i>824.000</i>
II	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	71.731	79.148	83.812
-	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	Tỷ đồng	<i>65.301</i>	<i>71.677</i>	<i>75.739</i>
-	<i>Tài sản dài hạn</i>	Tỷ đồng	<i>6.430</i>	<i>7.471</i>	<i>8.073</i>
2	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	71.731	79.147	119.812
	<i>Nợ phải trả</i>	Tỷ đồng	<i>30.475</i>	<i>36.796</i>	<i>73.712</i>
	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	Tỷ đồng	<i>41.256</i>	<i>42.351</i>	<i>46.100</i>
III	Kết quả SXKD	Tỷ đồng			
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	35.030	33.701	38.735
2	Tổng chi phí		32.343		
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.687	6.526	5.384
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.150	4.359	4.704
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.382	3.031	2.855
6	Hiệu quả sử dụng vốn (ROA)	%	3,00	5,51	5,61
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu BQ (ROE)	%	5,66	10,38	10,76

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Tổng diện tích tự nhiên năm 2019 của Công ty quản lý: 16.450,26 ha;
- Trong kỳ kế hoạch tới dự kiến chuyển: 79,37 ha cho các mục đích sau:

- + Chuyển 30,71 ha đất quy hoạch rừng phòng hộ cho địa phương quản lý;
- + Chuyển 39,96 ha rừng trồng sản xuất sau khai thác cho địa phương quản lý, trong đó: Thị trấn Vân Canh: 39,09 ha, Xã Canh Liên: 0,87 ha;
- + Chuyển 8,7 ha đất lâm nghiệp khác tại xã canh Liên cho các hộ dân của địa phương quản lý.

Như vậy đến năm 2020 và năm 2025 Tổng diện tích tự nhiên của Công ty quản lý là: 16.370,89 ha. Giảm 79,37 ha so với đầu kỳ xây dựng Phương án. Cụ thể:

- Đất lâm nghiệp năm 2019 của công ty quản lý là: 16.394,9 ha; Trong kỳ kế hoạch tới sẽ chuyển: 79,37 ha trả lại cho địa phương; trong đó:

- + Rừng phòng hộ chuyển 30,71 ha,
- + Rừng sản xuất chuyển 48,66 ha (Rừng trồng sản xuất: 39,96 ha, Đất lâm nghiệp khác sản xuất: 8,7 ha).

Như vậy đến năm 2020 và năm 2025 diện tích đất lâm nghiệp của Công ty quản lý là: 16.315,53 ha, giảm 79,37 ha so với đầu kỳ kế hoạch.

- Đất phi nông nghiệp năm 2019 là: 55,36 ha, trong đó:

- + Đất trụ sở cơ quan: 0,47 ha;
- + Đất giao thông: 16,83 ha;
- + Đất sông ngòi, kênh rạch suối: 37,94 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,12 ha.

Trong kỳ kế hoạch tới vẫn giữ nguyên diện tích đất phi nông nghiệp nêu trên.

* Đối với diện tích đất đề nghị cấp chứng chỉ rừng: 2.854,91 ha, trong đó:

Diện tích đất lâm nghiệp sản xuất là: 2.854,91 ha.

IV. KẾ HOẠCH TRỒNG VÀ CHĂM SÓC RỪNG

TT	Hạng mục	KH Giai đoạn 2020 - 2025				
		2021	2022	2023	2024	2025
	Trồng và CS rừng	831,10	890,80	857,70	997,90	954,50
1	Trồng + cs N1	222,80	339,70	295,20	352,40	306,90
	<i>Vùng cấp Chứng chỉ</i>	212,20	350,30	295,20	352,40	306,90
2	CS N2	328,30	222,80	339,70	295,20	352,40
	<i>Vùng cấp Chứng chỉ</i>	328,30	212,20	350,30	295,20	352,40
3	CS N3	290,60	328,3	222,80	339,70	295,20
	<i>Vùng cấp Chứng chỉ</i>	290,60	328,30	212,20	350,30	295,20

- Năm 2021:

+ Trồng và chăm sóc năm 1 là: 222,8 ha; trong đó diện tích trong cấp chứng chỉ là: 222,8 ha.

Phân bố tại khu vực: * Cà Te: 85,7 ha.

* Hà Đé: 87,5 ha.

* Canh Liên: 39,0 ha.

* Canh Giao: 10,6 ha.

+ Chăm sóc năm thứ 2 là: 328,3 ha; *trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 328,3 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Canh Liên: 289,5 ha.

* Canh giao: 38,8 ha.

+ Chăm sóc năm thứ 3 là: 290,6 ha; *trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 290,6 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Cà Te: 89,5 ha.

* Canh giao: 91,6 ha.

* Canh Liên: 109,5 ha.

- Năm 2022:

+ Trồng và chăm sóc năm 1 là: 339,7 ha; *trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 339,7 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Cà Te: 45,5 ha.

* Hà Dế: 294,2 ha.

+ Chăm sóc năm thứ 2 là: 222,8 ha; *trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 222,8 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Cà Te: 85,7 ha.

* Hà Dế: 87,5 ha.

* Canh Liên: 39,0 ha.

* Canh Giao: 10,6 ha.

+ Chăm sóc năm thứ 3 là: 328,3 ha; *trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 328,3 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Canh Liên: 289,5 ha.

* Canh giao: 38,8 ha.

- Năm 2023:

+ Trồng và chăm sóc năm 1 là: 295,2 ha; *Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 295,2 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Canh Liên: 93,2 ha.

* Hà Dế: 202,0 ha.

+ Chăm sóc năm thứ 2 là: 339,7 ha; *Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 339,7 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Cà Te: 45,5 ha.

* Hà Dế: 294,2 ha.

+ Chăm sóc năm thứ 3 là: 222,8 ha; *Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 222,8 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Cà Te: 85,7 ha.

- * Hà Dế: 87,5 ha.
- * Canh Liên: 39,0 ha.
- * Canh Giao: 10,6 ha.

- Năm 2024:

+ Trồng và chăm sóc năm 1 là: 352,4 ha; *Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 352,4 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Canh Giao: 126,8 ha.

* Canh Liên: 225,6 ha.

+ Chăm sóc năm thứ 2 là: 295,2 ha; *Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 295,2 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Canh Liên: 93,2 ha.

* Hà Dế: 202,0 ha

+ Chăm sóc năm thứ 3 là: 350,3 ha; *Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 350,3 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Cà Te: 45,5 ha.

* Hà Dế: 294,2 ha.

- Năm 2025:

+ Trồng và chăm sóc năm 1 là: 306,9 ha; *Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 306,9 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Canh Giao: 61,6 ha.

* Hà Dế: 135,8 ha.

* Canh Liên: 109,5 ha.

+ Chăm sóc năm thứ 2 là: 352,4 ha; *Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 352,4 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Canh Giao: 126,8 ha.

* Canh Liên: 225,6 ha.

+ Chăm sóc năm thứ 3 là: 259,2 ha; *Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 259,2 ha.*

Phân bố tại khu vực: * Canh Liên: 93,2 ha.

* Hà Dế: 202,0 ha.

Trong năm 2021 công ty thay thế hoàn toàn việc sử dụng phân bón hóa học bằng sử dụng phân vi sinh. Tổng diện tích bón lót của công ty trong năm là 43,4 ha với khối lượng phân bón: 9.300 kg (Chi tiết được thể hiện trong giấy đề nghị về việc bón lót phân vi sinh cho các diện tích trồng rừng năm 2021).

V. KẾ HOẠCH KHAI THÁC

Xác định diện tích tối đa khai thác trong 1 năm. Theo thông tư 28/2018 bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày 16/11/2018 về việc xây dựng phương án quản lý rừng bền vững

a) Diện tích khai thác:

Diện tích tối đa khai thác trong 1 năm ($S_{kttđ1năm}$):

$$S_{kttđ1năm} = \frac{\text{Diện tích rừng trồng xin cấp chứng chỉ}}{\text{Chu kỳ kinh doanh rừng trồng (7 năm)}} \\ S_{kttđ1năm} = \frac{2.562,93}{7} = 366 \text{ ha}$$

Dựa vào phương pháp xác định diện tích rừng trồng tối đa được khai thác cho thấy để đảm bảo việc khai thác không vượt quá lượng tăng trưởng hàng năm của lâm phần công ty được khai thác tối đa là 366ha/năm. Căn cứ vào tình hình, khả năng sản xuất của công ty, diện tích khai thác hàng năm cho toàn chu kỳ đảm bảo khai thác không vượt quá tăng trưởng hàng năm với việc phân bổ được tổng hợp ở bảng sau:

Hạng mục	Khai thác giai đoạn 2021-2025					
	Cộng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Diện tích (ha)	1.517,00	222,8	339,7	295,2	352,4	306,9
Sản lượng (m ³)	155.474,70	24.521,30	35.188,90	29.698,00	34.038,00	32.028,50

+ Năm 2021:

Khai thác 222,8 ha; Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 222,8 ha.

Phân bổ tại khu vực: * Cà Te: 85,7 ha.

* Hà Đé: 87,5 ha.

* Canh Liên: 39,0 ha.

* Canh Giao: 10,6 ha.

+ Năm 2022:

Khai thác 350,3 ha; Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 350,3 ha.

Phân bổ tại khu vực: * Cà Te: 45,5 ha.

* Hà Đé: 294,2 ha.

+ Năm 2023:

Khai thác 295,2 ha; Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 295,2 ha.

Phân bổ tại khu vực: * Canh Liên: 93,2 ha.

* Hà Đé: 202,0 ha.

+ Năm 2024:

Khai thác 352,4 ha; Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 352,4 ha.

Phân bổ tại khu vực: * Canh Giao: 126,8 ha.

* Canh Liên: 225,6 ha.

+ Năm 2025:

Khai thác 306,9 ha; Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 306,9 ha.

Phân bố tại khu vực: * Canh Giao: 61,6 ha.

* Hà Dế: 135,8 ha.

* Canh Liên: 109,5 ha.

VI. KẾ HOẠCH BẢO VỆ RỪNG

Trong năm 2021 công ty đã xác định một số khu vực, diện tích có thể bị ảnh hưởng bởi tình hình thiên tai, dịch bệnh như sau:

6.1 gió mùa Tây Nam

+ Canh Liên: Diện tích 225,6 ha, rừng trồng năm 2018, diện tích 93,2 ha rừng trồng năm 2017.

+ Cà Te: Diện tích 45,5 ha, rừng trồng năm 2015.

6.2 Bão, áp thấp nhiệt đới

Theo kết quả theo dõi các năm trước đây và Đài khí tượng thủy văn tỉnh Bình Định thì dự báo trong năm 2021 rừng trồng của Công ty sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp của 2 cơn bão và những khu vực, diện tích có thể bị ảnh hưởng.

+ Canh Liên: Diện tích 225,6 ha, rừng trồng năm 2018, diện tích 93,2 ha rừng trồng năm 2017.

+ Cà Te: Diện tích 45,5 ha, rừng trồng năm 2015.

+ Hà Dế: Diện tích 293,3 ha rừng trồng năm 2018

6.3. Rét đậm, rét hại

Rét đậm, rét hại cơ bản chỉ ảnh hưởng đến những diện tích rừng mới trồng khu vực xã Canh Liên, nên diện tích có thể bị ảnh hưởng là 39,0 ha thuộc trạm QLBRV Canh Liên quản lý và diện tích 87,5 ha thuộc trạm QLBRV Hà Dế quản lý (dự kiến trồng lại vào tháng 9/2021).

6.4 Các biện pháp khắc phục hậu quả

- Tăng cường công tác bảo vệ tài sản tại các khu vực có thể xảy ra thiệt hại, tuần tra thường xuyên các khu vực có thể bị ảnh hưởng trong thời gian đã được xác định.

- Thuê công chặt hạ, thu gom các cây bị đổ gãy trên đường mòn, đường giao thông và trong lô rừng

Qua kết quả giám sát của cấp Trạm QLBRV cho thấy hiện tượng trâu bò vào rừng của công ty vẫn còn xảy ra và rác thải vẫn xuất hiện trong rừng do người dân chưa có ý thức do vậy trong năm 2021 Công ty tiến hành các biện pháp như tuyên truyền đến cộng đồng người dân sống gần rừng trong việc bảo vệ môi trường như chính quyền địa phương góp phần tuyên truyền không vứt rác vào rừng của công ty cũng như chặn thả gia súc vào rừng non của công ty.

VII. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Công ty cung cấp diện tích cung tham gia dịch vụ MTR và tình hình thu chi.

Số liệu thu tiền dịch vụ môi trường được thể hiện qua bảng sau:

Năm 2015-2018 (MTR và nước sạch)		Năm 2019		Năm 2020		Tổng cộng số tiền được nhận (đồng)
Diện tích cung ứng (ha)	Số tiền (đồng)	Diện tích cung ứng (ha)	Số tiền (đồng)	Diện tích cung ứng (ha)	Số tiền (đồng)	
1,29	98.664	4.149,44	237.321.107	4.149,44	92.652.000	330.071.771

- Số tiền thu từ dịch vụ môi trường rừng đơn vị sử dụng trang trải cho các hạng mục tái bảo vệ và phát triển rừng gồm chi cho công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, chi công tác tuần tra quản lý, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác QLBRV, chi lương cho lực lượng bảo vệ rừng, ...

VIII. GIÁM SÁT

1. Kế hoạch giám sát

1.1. Giám sát năng suất, sản lượng rừng.

Việc giám sát năng suất rừng trồng hàng năm phải xác định cho được kích thước, mật độ cây và lượng tăng trưởng rừng của mỗi đơn vị diện tích của từng năm tuổi, loài cây trồng, từ đó xác định được lượng tăng trưởng trừ lượng gỗ từng lô và tổng lượng tăng trưởng trừ lượng hàng năm của đơn vị.

- Đo đếm ngoại nghiệp: Thực hiện cuối tháng 10 hàng năm.

- Tính toán nội nghiệp: Trong thời gian tháng 11 hàng năm.

- Báo cáo gửi Ban giám đốc công ty vào tháng 12 hàng năm và công khai kết quả giám sát; báo cáo phải thể hiện rõ đồ thị hoặc biểu đồ tăng trưởng của loài Keo lai.

Báo cáo yêu cầu phân tích rõ tăng trưởng rừng về khối lượng, từng năm trồng, đánh giá rõ tỷ lệ cây sống, tình hình sâu bệnh hại, công tác quản lý bảo vệ; các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng như giống, kỹ thuật, phân bón, sâu bệnh hại, thời tiết, lập địa; đề xuất các biện pháp quản lý, tác động trong năm hoặc thời gian tiếp theo; đề xuất loài cây trồng trên từng lô rừng hoặc dạng lập địa cũng như biện pháp kỹ thuật lâm sinh tác động.

- Bộ phận thực hiện: Ban thực hiện chứng chỉ rừng FSC Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh.

1.2. Trồng và chăm sóc:

Giám sát các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng theo đúng quy trình, quy phạm.

Thực hiện giám sát trước, trong và sau khi trồng rừng.

+ Giám sát thường xuyên: Ban thực hiện chứng chỉ rừng FSC Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh sẽ tiến hành giám sát thường xuyên để có thể dự báo xem có hiện tượng sâu bệnh hại xuất hiện, để có biện pháp phòng trừ kịp thời (lựa chọn khoảng 10% số lô để giám sát).

+ Giám sát thông qua báo cáo của các trạm bảo vệ rừng.

1.3. Về khai thác:

Giám sát kỹ thuật, các trình tự thủ tục khai thác rừng đúng theo quy trình yêu cầu và theo quy trình khai thác rừng trồng tác động thấp.

Giám sát trước, trong và sau khi thực hiện khai thác

1.4. Giám sát tác động môi trường

Giám sát tác động môi trường trước, trong và sau hoạt động trồng rừng

Giám sát tác động môi trường trước, trong và sau hoạt động khai thác
Giám sát tác động môi trường của hoạt động bảo dưỡng, làm mới đường lâm nghiệp

Giám sát hành lang ven suối và khu vực khoanh nuôi bảo vệ

1.5. Giám sát tác động xã hội.

- Kế hoạch trồng rừng, khai thác rừng:

Thông qua các hoạt động trồng, chăm sóc và khai thác rừng của Công ty hàng năm đã thu hút, giải quyết việc làm cho khoảng hơn 500 lao động thời vụ ở địa phương. Bình quân mỗi năm tổng kinh phí chi trả tiền công lao động cho người dân tham gia chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng, khai thác hàng tỉ đồng. Do vậy đã có nhiều hộ gia đình có việc làm và thu nhập ổn định.

Tác động của hoạt động quản lý đến cộng đồng người dân địa phương, người dân tộc sống gần rừng của công ty.

Giám sát nhân công lao động (nhận lương bình đẳng, không sử dụng lao động dưới 18 tuổi, ...)

- Kết quả sản xuất – kinh doanh:

Về kinh tế sau 5 năm đã có nhiều biến động theo chiều hướng tốt, doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, đời sống thu nhập của người dân ngày được nâng cao đã tác động tích cực vào đời sống xã hội của người dân trên địa bàn xã.

- Thực hiện các nghĩa vụ xã hội khác:

Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nông thôn; tham gia ủng hộ các quỹ từ thiện, nhân đạo do địa phương phát động. Đồng thời thực hiện tốt công tác dịch vụ cây giống và chuyển giao kỹ thuật trồng rừng cho người dân địa phương.

IX. TẬP HUẤN

Trong năm 2021 Công ty TNHH LN Hà Thanh dự kiến tổ chức các lớp tập huấn thường niên nhằm nâng cao năng lực quản lý và thực hiện chứng chỉ rừng cho cán bộ công ty và nhà thầu. Hình thức tập huấn được công ty lựa chọn là tập huấn tập trung bao gồm các lớp về lý thuyết và thực hành.

TT	Tên các lớp tập huấn	Thời gian	Đối tượng
1	Tập huấn về Quy định giám sát các hoạt động lâm nghiệp	Tháng 3	Cán bộ công ty, các nhà thầu liên quan
2	Tập huấn về An toàn lao động	Tháng 3	Cán bộ công ty, các nhà thầu liên quan
3	Tập huấn về công ước Ilo	Tháng 6	Cán bộ công ty, các nhà thầu liên quan
4	Tập huấn về quy trình tham vấn các bên liên quan	Tháng 6	Cán bộ công ty
5	Tập huấn về hành lang ven suối, khu vực khoanh nuôi và các giá trị môi trường	Tháng 3	Cán bộ công ty